

"Bốn kiên định" – Bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng tại Đại hội XIV

Ngày nhận bài: 22/05/2026 | Ngày phản biện: 27/05/2026 | Ngày xuất bản: 13/08/2026

Tác giả: Nguyễn Phương Anh (Học viện viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam, mỗi giai đoạn lịch sử đều đặt ra những yêu cầu mới trong tư duy lý luận và năng lực định hướng thực tiễn của Đảng. Bước vào kỷ nguyên số, toàn cầu hóa sâu rộng cùng những biến động phức tạp của tình hình thế giới, "Bốn kiên định" theo tinh thần Quy định số 19-QĐ/TW đã trở thành "la bàn tư tưởng", thể hiện sự thống nhất giữa "kiên định" và "đổi mới có nguyên tắc" góp phần củng cố niềm tin và tăng cường sức đề kháng của Đảng trong tình hình mới. Bài viết khẳng định "Bốn kiên định" là nền tảng tư tưởng xuyên suốt được minh chứng bằng thực tiễn, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu chuyển hóa tư tưởng thành hành động cụ thể gắn với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới.

1. Đặt vấn đề

Có thể thấy, chưa bao giờ con người đứng trước một "biển lớn thông tin" như hiện nay, nơi mỗi cá nhân vừa là người tiếp nhận, vừa là người lan tỏa, cũng có thể là "tác nhân" định hình nhận thức xã hội. Với dòng chảy mạnh mẽ của toàn cầu hóa và chuyển đổi số, ranh giới giữa đúng - sai, thật - giả, tích cực - tiêu cực ngày càng trở nên mờ nhạt và khó phân định. Chính điều đó cũng khiến nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ đối diện với những thách thức truyền thống, mà còn chịu tác động sâu sắc từ những nguy cơ phi truyền thống, tinh vi và khó nhận diện. Chính vì vậy, "Bốn kiên định" theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng và Quy định số 19-QĐ/TW không chỉ mang ý nghĩa là một yêu cầu chính trị, mà còn trở thành định hướng tư tưởng có tính chiến lược, góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa "kiên định" và "đổi mới có nguyên tắc" trong kỷ nguyên phát mới.

Bài viết tập trung làm rõ nội hàm của “Bốn kiên định” trong mối quan hệ giữa nguyên tắc với đổi mới và phát triển; Khẳng định tính tất yếu của “Bốn kiên định” trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa thông qua dẫn chứng thực tiễn lịch sử, kế thừa các nghiên cứu về chính trị, tư tưởng trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số để tiếp cận “Bốn kiên định” như một “la bàn tư tưởng” khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn. Đồng thời, nhấn mạnh yêu cầu chuyển hóa tư tưởng thành hành động cụ thể nhằm củng cố niềm tin chính trị, nâng cao sức đề kháng tư tưởng và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận nghiên cứu: Bài viết sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu định tính kết hợp với phân tích, so sánh, tổng hợp nhằm làm rõ giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn của nội dung “Bốn kiên định” trong công tác chính trị, tư tưởng hiện nay. Cách tiếp cận này cho phép nghiên cứu xem xét vấn đề trong mối liên hệ giữa nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam với yêu cầu bảo vệ định hướng phát triển đất nước trong bối cảnh mới, đặc biệt dưới tác động của hội nhập quốc tế, chuyển đổi số.

Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Bài viết sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu định tính trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Phân tích và tổng hợp tài liệu về quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, trọng tâm là Quy định số 19-QĐ/TW, 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về công tác chính trị, tư tưởng. Đồng thời, vận dụng phương pháp lịch sử - logic để phân tích sự kế thừa và phát triển trong nhận thức của Đảng về vấn đề kiên định nền tảng tư tưởng và đổi mới phương thức lãnh đạo qua các giai đoạn cách mạng. Sử dụng phương pháp so sánh nhằm đối chiếu nội dung “Bốn kiên định” với yêu cầu thực tiễn của công tác chính trị, tư tưởng trong giai đoạn hiện nay.

Đối tượng nghiên cứu: nội dung và giá trị định hướng của “Bốn kiên định” trong công tác chính trị, tư tưởng hiện nay. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào các văn kiện, văn bản của Đảng từ thời kỳ đổi mới đến nay, đặc biệt là Văn kiện Đại hội XIV của Đảng với thực tiễn công tác chính trị, tư tưởng trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

Tháng 01/2026 vừa qua, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã diễn ra thành công tốt đẹp, đánh dấu một mốc phát triển có ý nghĩa lịch sử, mở ra kỷ nguyên phát triển mới trong bối cảnh thế giới vận động nhanh, phức tạp và khó lường. Với quỹ thời gian không dài, nhưng mục tiêu tổng quát được xác định đến năm 2030 và 2045 phải duy trì phát triển kinh tế ở mức tăng trưởng cao, thậm chí tiệm cận hai con số cùng với một chính thể toàn diện bao gồm: giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; Phát triển nhanh, bền vững đất nước; Cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân; Tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Việc hiện thực hóa các mục tiêu mang tính đột phá không chỉ là thách thức về kinh tế, nguồn lực vật chất hay xây dựng chính sách mà đòi hỏi trước hết phải củng cố vững chắc vai trò lãnh đạo của Đảng trên nền tảng lý luận khoa học, nhất quán và được phát triển phù hợp với thực tiễn. Tại Đại hội cũng nhấn mạnh yêu cầu: Trên cơ sở kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc; phải bám sát thực tiễn, không ngừng đổi mới, cải cách để phát triển nhanh, bền vững đất nước (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2026).

Xuất phát từ yêu cầu đó cũng như tiếp tục tăng cường, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng trong giai đoạn mới được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh về “Bốn kiên định” tại Hội nghị Trung ương 2 khóa XIV. Ngày 08/4/2026, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng trong đó tại nội dung 1, của Điều 3: Nguyên tắc đã khẳng định công tác chính trị, tư tưởng phải lấy mục tiêu kiên trì, bảo vệ và phát huy “Bốn kiên định” làm định hướng hành động, được giải thích từ ngữ tại điều 4, cụ thể:

- (1) Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- (2) Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- (3) Kiên định đường lối đổi mới của Đảng.

(4) Kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.

“Bốn kiên định” khẳng định sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về những vấn đề có tính nguyên tắc trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mỗi nội dung trong “Bốn kiên định” vừa có tính độc lập tương đối, vừa có quan hệ biện chứng, thống nhất như một trục tư duy của “la bàn tư tưởng” trong công tác chính trị, tư tưởng.

3.1.1. Nội hàm của “Bốn kiên định”

Thứ nhất, kiên định, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là giữ vững nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng, đồng thời là điều kiện tiên quyết bảo đảm sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội. Xét về bản chất, sức mạnh của một đảng cầm quyền không chỉ được quyết định bởi năng lực tổ chức và lãnh đạo, mà trước hết được xác lập từ nền tảng tư tưởng mà đảng đó lựa chọn, bảo vệ và phát triển. Trong tác phẩm “Đường Kách Mệnh”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” (Hồ Chí Minh, T.2, 2011). “Chủ nghĩa” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập không phải là một khái niệm trừu tượng, mà chính là hệ thống lý luận khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin giữ vai trò nền tảng tư tưởng và định hướng hành động cho Đảng Cộng sản, soi đường cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và mục tiêu xây dựng xã hội mới. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán với lựa chọn đó, kiên định lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở lý luận, đồng thời vận dụng sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Thứ hai, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội bắt nguồn từ sự thống nhất giữa khát vọng độc lập, tự do của dân tộc với quy luật phát triển của thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” (Hồ Chí Minh, T.4, 2011), và nếu độc lập dân tộc tạo tiền đề để đất nước giữ vững chủ quyền, quyền tự quyết và tự chủ trong phát triển, thì “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng

được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khởi ách nô lệ” (Hồ Chí Minh, T.12, 2011) khẳng định kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, hướng tới mục tiêu cao nhất là vì con người, vì công bằng, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc xã hội.

Thứ ba, kiên định đường lối đổi mới của Đảng. Khi tính khoa học và cách mạng triệt để của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị tư tưởng bền vững và mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu chiến lược, thì kiên định đường lối đổi mới chính là phương thức để hiện thực hóa mục tiêu đó trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Thực tiễn qua 40 năm cho thấy, đổi mới chính là nhân tố quyết định giúp giải phóng sức sản xuất, khơi thông nguồn lực và tạo động lực cho phát triển đất nước. Kiên định đổi mới đường lối của Đảng là cơ sở bảo đảm sự thống nhất giữa đổi mới, vận dụng sáng tạo và nguyên tắc, tránh cả khuynh hướng bảo thủ, trì trệ lẫn nguy cơ xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng là cơ chế bảo đảm để toàn bộ hệ thống vận hành thống nhất, hiệu lực và hiệu quả. Cơ sở khoa học của sự kiên định này xuất phát từ quy luật xây dựng Đảng cầm quyền. V.I. Lênin khẳng định sức mạnh của Đảng trước hết nằm ở sự thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động. Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, các nguyên tắc như tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, kỷ luật nghiêm minh, gắn bó mật thiết với nhân dân không chỉ là nguyên tắc tổ chức mà còn là cơ chế kiểm soát quyền lực và giữ vững bản chất cách mạng của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật” (Hồ Chí Minh, T.6, 2011).

3.1.2. Cơ sở khoa học của “Bốn kiên định” và sự phát triển tư duy lý luận của Đảng tại Đại hội XIV

Tinh thần của “Bốn kiên định” không phải là sự lặp lại bất biến của những khuôn mẫu cũ, mà là bản lĩnh giữ vững cái cốt lõi trong khi không ngừng vận động để thích ứng với thực tiễn. Nếu hiểu “kiên định” theo nghĩa giữ nguyên, không thay đổi thì rất dễ rơi vào giáo điều, máy móc. Bản chất của “kiên định” không nằm ở sự bất biến của hình thức, mà nằm ở sự vững vàng của nguyên tắc. Nguyên tắc là “cái bất biến”, còn phương thức là “cái vận biến”. Khi nguyên tắc được giữ vững, thì đổi mới không phải

là sự lệch hướng, mà chính là điều kiện để nguyên tắc ấy được hiện thực hóa, vận dụng sáng tạo và đổi mới có nguyên tắc là sự bảo đảm căn bản cho thành công trong những hoàn cảnh luôn biến động. Đây cũng chính là quy luật phát triển của mọi học thuyết cách mạng chân chính, luôn cần được bổ sung bằng thực tiễn như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông” (Hồ Chí Minh, T.11, 2011).

“Bốn kiên định” không phải đến hôm nay mới được đặt ra như một luận điểm mới, mà thực chất đã được hình thành, tích lũy và phát triển trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ thực tiễn đấu tranh giành độc lập đến công cuộc đổi mới và hội nhập. Điều mới không nằm ở bản thân nội dung, mà ở sự khái quát, hệ thống hóa và nâng tầm trong nhận thức lý luận của Đảng ta tại Đại hội XIV, phản ánh yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn phát triển. Trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh thần khoa học và cách mạng luôn được khẳng định ở tính mở, tính vận động và khả năng tự hoàn thiện thông qua thực tiễn. Ph.Ăngghen từng nhấn mạnh: “Học thuyết của chúng tôi không phải là một giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động” (C.Mác và Ph.Ăngghen, T.19, 2002). Đồng thời, V.I.Lênin cũng chỉ rõ: “Không sao chép y nguyên sách lược của chúng tôi, mà phải tự mình suy nghĩ xem những nét đặc thù, những điều kiện và những kết quả của sách lược đó là như thế nào; phải áp dụng ở nước các đồng chí không phải từng câu, từng chữ mà là tinh thần, ý nghĩa, những bài học kinh nghiệm của những năm 1911 - 1921” (V.I.Lênin, T.43, 2005).

Kế thừa tư tưởng đó, ngay trong quá trình tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm thể hiện sâu sắc nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Người không tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin theo lối giáo điều, mà chủ động khảo sát, đối chiếu với thực tiễn phong trào giải phóng dân tộc ở nhiều quốc gia, qua đó chắt lọc, kiểm nghiệm và vận dụng nhận thức lý luận. Chỉ sau quá trình tổng kết thực tiễn, Người mới đi đến khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” (Hồ Chí Minh, T.12, 2011).

Nhìn lại thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam để thấy đây là thước đo minh chứng điển hình cho phong cách lãnh đạo khoa học, nhạy bén, gắn lý luận với thực tiễn của Chủ tịch và Đảng ta. Tiêu biểu là trong giai đoạn chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám

năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện sâu sắc phương pháp tư duy xuất phát từ thực tiễn. Người vừa theo dõi chặt chẽ những chuyển biến của tình hình quốc tế, vừa trực tiếp nắm bắt thực tiễn trong nước và đúc rút kinh nghiệm của Đảng qua cao trào cách mạng 1930 - 1931, đỉnh cao là Xô viết Nghệ-Tĩnh và cao trào cách mạng dân tộc dân chủ những năm 1936 - 1939, trên cơ sở đó, có sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, đánh giá đúng tương quan lực lượng và khí thế cách mạng của quần chúng. Trên cơ sở đó, Người đã đưa ra quyết định phát động Tổng khởi nghĩa vào đúng thời điểm chín muồi. Thành công đó đã cho thấy nếu kinh nghiệm không được soi sáng bởi lý luận sẽ khó nâng cao hiệu quả hành động; ngược lại, lý luận chỉ thực sự có ý nghĩa khi được hình thành từ thực tiễn và phục vụ trực tiếp cho những yêu cầu cụ thể như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết "Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi", "Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ" (Hồ Chí Minh, T.5, 2011).

Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, việc xác lập quốc hiệu gắn với tiêu ngữ "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" đã phản ánh một cách nhất quán bản chất và mục tiêu của nhà nước cách mạng: giữ vững độc lập dân tộc, bảo đảm quyền tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Kiên định mục tiêu đó không đồng nghĩa với việc duy trì một mô hình phát triển cứng nhắc, mà là sự kiên trì theo đuổi tư tưởng có tính nguyên tắc, đồng thời không ngừng vận dụng sáng tạo với mong muốn lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là làm sao để nhân dân được sống trong độc lập, tự do, ấm no và hạnh phúc.

Từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến công cuộc đổi mới năm 1986 là một quá trình cải cách toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế, hướng tới mục tiêu xuyên suốt "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sau hơn 40 năm kiên trì thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, tạo nên bước chuyển mình sâu sắc và toàn diện. Từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, với thu nhập bình quân đầu người chỉ khoảng 150 USD năm 1986, Việt Nam đã vươn lên trở thành quốc gia đang phát triển, Quy mô kinh tế đứng thứ 32 trên thế giới, thứ 4 Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) với thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 5.000 USD vào năm

2025 (Cần Văn Lực et al., 2026).

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, kết hợp đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Ngay từ đầu, Đảng xác định rõ đổi mới kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành và hoàn thiện, với sự tham gia của các thành phần: khu vực kinh tế nhà nước, tư nhân, tập thể và vốn đầu tư nước ngoài; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, trong đó khoa học và công nghệ trở thành động lực quan trọng. Đồng thời, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai toàn diện trên các phương diện chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, gắn với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, hướng tới một hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thực sự của dân, do dân và vì dân.

Có thể thấy, mỗi bước đi đều thể hiện rõ sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiên định mục tiêu và linh hoạt phương pháp. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số hiện nay, nếu không có tư duy đổi mới, thì "kiên định" rất dễ bị hiểu sai thành "đóng cửa", "tự cô lập" điều này hoàn toàn đi ngược lại với lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh thần chủ động hội nhập của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Những thành tựu đó không chỉ khẳng định tính đúng đắn của những vấn đề có tính nguyên tắc, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới, bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, bền vững nhưng không chệch hướng xã hội chủ nghĩa mà còn củng cố niềm tin vào con đường phát triển mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

3.1.3. Giá trị định hướng của "Bốn kiên định" trong nâng cao bản lĩnh chính trị của mỗi cán bộ đảng viên và công tác chính trị, tư tưởng của Đảng

"Bốn kiên định" không chỉ là hệ thống nguyên tắc có tính nền tảng trong tư duy lý luận của Đảng, mà còn đóng vai trò như một hệ quy chiếu giá trị và bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng từ nhận thức đến hành động trong bối cảnh mới, tạo sự thống nhất về thế giới quan và phương pháp luận trong toàn hệ thống chính trị, qua đó củng cố niềm tin vào mục tiêu và con đường phát triển đã lựa chọn, góp phần nâng cao năng

lực đấu tranh tư tưởng, tăng “sức đề kháng” trước các quan điểm sai trái, thù địch.

Nắm vững nguyên tắc “Bốn kiên định” được thống nhất như một trục tư duy khẳng định vai trò như một “la bàn tư tưởng”, nhằm bảo đảm tính ổn định, nhất quán và lâu dài của công tác định hướng chính trị, tư tưởng, giúp toàn bộ hoạt động tuyên truyền, giáo dục lý luận và dư luận xã hội, phân định và điều chỉnh nhận thức xã hội với bối cảnh thông tin đa chiều, sự đan xen giữa đúng – sai, thật – giả, tích cực – tiêu cực, tiến bộ – lệch chuẩn ngày càng gia tăng và nhiều quan điểm phức tạp, từ đó củng cố niềm tin, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo đảm sự thống nhất giữa kiên định và đổi mới, giữa nguyên tắc và linh hoạt, tránh cả hai nguy cơ: bảo thủ trì trệ hoặc dao động, xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa, tinh thần ấy càng trở nên cấp thiết. Khi các giá trị bị pha trộn, thông tin trở nên đa chiều, thậm chí nhiễu loạn, thì “kiên định” chính là la bàn để không đánh mất phương hướng; còn “đổi mới” là phương thức để không bị tụt lại phía sau. Sự kết hợp này không chỉ là bài học lịch sử, mà còn là yêu cầu mang tính sống còn đối với sự phát triển trong kỷ nguyên mới.

Nội dung Bốn kiên định cho thấy tinh thần “kiên định” chính là bản lĩnh chính trị, là sự tiếp nối mạch nguồn lịch sử và những bài học từ công cuộc đổi mới, đây cái cốt lõi mang tính bản chất, giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong việc thống nhất ý chí, hành động trong toàn xã hội, đồng thời giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương gắn chặt công tác chính trị với công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ. Với tư cách là hệ thống những nguyên tắc nền tảng, “Bốn kiên định” tạo cơ sở để cán bộ, đảng viên củng cố lập trường tư tưởng, giữ vững niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng và nâng cao khả năng nhận diện, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch. Cùng với đó, kiên định phải gắn liền với vận dụng sáng tạo và đổi mới phương thức triển khai công tác tư tưởng trong điều kiện mới như: xây dựng văn hóa Đảng, chuẩn mực đạo đức cách mạng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, nâng cao năng lực dự báo, định hướng dư luận; chủ động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian mạng. Qua đó, củng cố niềm tin của nhân dân, tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động, chuyển hóa

sức mạnh tư tưởng thành động lực phát triển đất nước. Mối quan hệ giữa Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, thực chất không phải là hai hệ giá trị song song mà là sự nhất quán, vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, sự kết tinh hài hòa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo nên một hệ tư tưởng vừa mang tính khoa học, vừa thấm đẫm tính thực tiễn và bản sắc dân tộc.

3.1.4. Yêu cầu đặt ra đối với mỗi cán bộ, đảng viên và đề xuất các giải pháp đưa “Bốn kiên định” trong giai đoạn mới

Một trong những phép thử rõ nhất đối với năng lực cầm quyền của một đảng chính trị là khả năng chuyển hóa các giá trị tư tưởng thành hành động thực tiễn. Thực tiễn cho thấy, nhiều đảng cầm quyền trên thế giới đã phải đối mặt với nghịch lý: trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền, Đảng viên sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng cách mạng; nhưng khi trở thành đảng cầm quyền, quyền lực gắn liền với lợi ích lại tiềm ẩn nguy cơ tha hóa quyền lực, đặt ra yêu cầu tiếp tục củng cố, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực lãnh đạo đất nước. Chỉ khi “Bốn kiên định” được thấm nhuần và thực hiện hiệu quả trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của Đảng, mới thực sự trở thành “la bàn tư tưởng”, là động lực nội sinh, bảo đảm cho Đảng giữ vững vai trò lãnh đạo, dẫn dắt đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Bước vào kỷ nguyên mới, “Bốn kiên định” không chỉ dừng lại ở vai trò định hướng nhận thức, mà quan trọng hơn là hiện thực hóa những giá trị đó trong tiến trình phát triển đất nước. Với bối cảnh nhiều thời cơ và thách thức đan xen, tư tưởng chỉ thực sự phát huy ý nghĩa khi được chuyển hóa thành các cơ chế, nguyên tắc và hành động cụ thể mà trước hết là trong công tác cán bộ và xây dựng Đảng. Tại Đại hội XIV, quan điểm của Đảng một lần nữa khẳng định quyết tâm trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2025-2030: Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thật sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; lấy hạnh phúc, sự hài lòng của nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Trên tinh thần của Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng, việc chuyển hóa đó đòi hỏi phải gắn chặt công tác chính trị, tư tưởng với thực tiễn đời sống xã hội, lấy nhân dân làm trung tâm, xuất phát từ nhu cầu và lợi ích chính đáng của nhân dân để hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách. Đồng thời, phải kết hợp chặt chẽ giữa "xây" và "chống", vừa củng cố niềm tin, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương, vừa chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong điều kiện mới.

Trong quá trình đó yêu cầu trách nhiệm của cấp uỷ các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, tập trung xây dựng tổ chức kỷ luật, kỷ cương. Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng tư tưởng về xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh, Người khẳng định "Đảng ta là một Đảng phấn đấu, hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của giai cấp vô sản, chứ không phoả vì lợi ích nào khác" (Hồ Chí Minh, T.14, 2011) để trở thành "một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để" (Hồ Chí Minh, T.7, 2011). Việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cũng chính là điều kiện bảo đảm để giữ vững "la bàn tư tưởng" trong mọi hoàn cảnh. Xây dựng Đảng không chỉ dừng lại ở "trong sạch", mà còn phải "vững mạnh". "Trong sạch" giúp phòng ngừa và loại trừ tham nhũng, suy thoái; còn "vững mạnh" đòi hỏi trình độ, tư duy và năng lực tổ chức thực tiễn trên nền tảng những nguyên tắc khoa học. Vì vậy, kiên định nhưng phải thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng: Nguyên tắc tập trung, dân chủ; Nguyên tắc tự phê bình và phê bình; Nguyên tắc đoàn kết thống nhất; Nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân; Nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Các nguyên tắc không chỉ nhằm duy trì kỷ luật, kỷ cương, mà còn hướng tới xây dựng một tổ chức có chất lượng, đủ tầm đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Đặc biệt trong kỷ nguyên số, khi khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực then chốt, nếu đội ngũ lãnh đạo không theo kịp về năng lực và tư duy, thì khó có thể dẫn dắt hiệu quả quá trình phát triển đất nước.

Tuy nhiên, ý thức tổ chức và kỷ luật mới chỉ là điều kiện cần; điều kiện đủ thì cần phát huy hiệu lực nằm ở chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bởi vậy cần phải đồng thời nâng cao phẩm chất chính trị, năng lực thực tiễn của từng cán bộ, đảng viên với việc củng cố nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng, bảo đảm mỗi người không chỉ thấm nhuần mà còn hiện thực hóa yêu cầu của "kiên định", giữ vững lập trường và

bản lĩnh chính trị, chủ động nghiên cứu, học tập và triển khai nghị quyết của Đảng, chuyển hoá hành động theo nghị quyết, có tinh thần nêu gương, dám chịu trách nhiệm phê bình và tự phê bình, kiểm soát quyền lực phải được thực thi nghiêm minh, đồng thời không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ, đặc biệt trong bối cảnh khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng đòi hỏi của kỷ nguyên mới.

3.2. Thảo luận

Việc Đại hội XIV nhấn mạnh và phát triển nhận thức về “Bốn kiên định” cho thấy sự trưởng thành trong tư duy lý luận của Đảng trước những biến đổi sâu sắc của bối cảnh trong nước và quốc tế. Nội dung “Bốn kiên định” được đặt trong một chỉnh thể thống nhất, phản ánh nhận thức ngày càng toàn diện về mối quan hệ giữa nền tảng tư tưởng, mục tiêu phát triển, phương thức thực hiện và cơ chế bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Đây chính là bước phát triển mới trong tư duy lý luận, thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa “kiên định” và “đổi mới”, giữa “giữ vững nguyên tắc” và “thích ứng với yêu cầu của thực tiễn”.

Trong công trình học xã hội và nhân văn “Lịch sử Chính sách Dân tộc của những người Cộng sản Việt Nam” đạt Giải thưởng Bảo Sơn năm 2024, của Giáo sư, tiến sĩ Furuta Motoo, Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội, một học giả Nhật Bản có nhiều năm nghiên cứu về Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra những nhận định khách quan, khoa học để có cái nhìn rộng hơn, khẳng định đây không phải sự ca ngợi một chiều, mà là đánh giá độc lập từ một học giả quốc tế về vai trò và sức mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, ông nhấn mạnh sức mạnh bền vững của Đảng bắt nguồn từ nguyên tắc “lấy dân làm gốc”, coi nhân dân là chủ thể và là nguồn lực quyết định cho mọi thắng lợi. Ông đánh giá Đảng Cộng sản Việt Nam là một tổ chức hiếm hoi có khả năng đồng thời “giương cao hai ngọn cờ” ngọn cờ quốc tế và ngọn cờ dân tộc. Bởi lẽ, nếu tuyệt đối hóa yếu tố dân tộc sẽ dễ rơi vào khép kín, hạn chế hội nhập; ngược lại, nếu thiên lệch về quốc tế sẽ có nguy cơ xa rời lợi ích dân tộc, đánh mất bản sắc. Lịch sử thế giới đã chứng kiến không ít đảng cộng sản thất bại vì không xử lý được mối quan hệ này. Trong khi đó, Việt Nam lại lựa chọn con đường cân bằng, kiên định những nguyên tắc cốt lõi, đồng thời vận dụng linh hoạt trong thực tiễn, không rơi vào cực đoan, giáo điều, đó chính là một trong những nhân tố quan trọng lý giải sức sống và năng lực lãnh đạo bền vững của Đảng Cộng sản Việt Nam (Nguyễn

Tuyển et al., 2025).

Trong bối cảnh thế giới hiện nay, khi quan hệ quốc tế ngày càng đan xen lợi ích, cạnh tranh chiến lược gia tăng và những yếu tố bất ổn ngày càng phức tạp, việc kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội càng trở nên có ý nghĩa đặc biệt, là cơ sở chính trị, tư tưởng để bảo đảm vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam cho thấy, vận dụng và phát triển lý luận của “Bốn kiên định” là khẳng định tư tưởng và xây dựng sức mạnh của Đảng, tăng cường niềm tin của nhân dân chính là nguồn lực nội sinh quyết định sự vững mạnh của Đảng. Sự trường tồn và phát triển bền vững của một tổ chức chính trị phụ thuộc vào việc đặt lợi ích của nhân dân như tiêu chí ưu tiên cao nhất trong mọi nguyên tắc vận hành.

4. Kết luận

Có thể khẳng định, nếu như trong dòng chảy lịch sử, Việt Nam được bạn bè quốc tế biết đến như một dân tộc anh hùng, kiên cường vượt qua những thử thách khốc liệt để chiến thắng các thế lực ngoại xâm hùng mạnh, thì Việt Nam hôm nay không chỉ mạnh về “lực” mà còn nâng cao rõ rệt về “vị thế” và “uy tín quốc gia” trong quan hệ quốc tế. Thương hiệu quốc gia ngày càng được củng cố, có những phương diện còn được đánh giá vượt lên trên cả tiềm lực kinh tế thuần túy. Những thành tựu đó cũng là minh chứng sống động cho tính đúng đắn, nhất quán và sức sống bền bỉ của đường lối đổi mới suốt hơn 40 năm qua. Bởi vậy, “Bốn kiên định” không chỉ là sự tiếp nối, mà là nguyên tắc có ý nghĩa sống còn. Trong một thế giới biến động nhanh và cạnh tranh gay gắt, mọi sự chần chừ đều có thể làm đánh mất cơ hội phát triển. Trên nền tảng chính trị đã được xác lập, kiên định đổi mới trở thành nguyên tắc, bảo đảm sự thống nhất từ nhận thức đến hành động trong toàn Đảng, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, tạo động lực bền vững cho hành trình phát triển đất nước./.

Tài liệu tham khảo

Ban chấp hành Trung ương Đảng. (2026). Quy định số 19-QĐ/TW ngày 08/4/2026 về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng.
<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-ban-cua-dang/quy-dinh-so-19-qd-tw-ngay-08-4-2026-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-19-qd-tw-ve-cong-tac>

[chinh-tri-tu-tuong-trong-dang.html](#), Truy cập ngày 06/5/2026

C.Mác và Ph.Ăngghen. (2002). Toàn tập. Tập 19. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.273.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội XIV. Tập II. NXB Chính trị quốc gia Sự thật. tr.382,398.

Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Tập 2. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.289.

Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Tập 4. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.64.

Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Tập 5. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.274, 289.

Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Tập 6. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.17.

Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Tập 7. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.41.

Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Tập 11. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.95.

Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Tập 12. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.30, 563.

Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Tập 14. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.469.

Cấn Văn Lực và nhóm tác giả. (2026). Ấn tượng kinh tế Việt Nam năm 2025, tạo nền tảng bút phá năm 2026, Tạp chí Cộng sản.

https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/an-tuong-kinh-te-viet-nam-nam-2025-tao-nen-tang-but-pha-nam-2026, Truy cập ngày 06/5/2026

V.I.Lênin. (2005). Toàn tập. tập 43. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. tr.238.

Nguyễn Phú Trọng. (2021). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. tr 15, 27.

Nguyễn Tuyến - Phạm Tuấn - Xuân Giao. (2025). Đảng Cộng sản Việt Nam qua góc nhìn của học giả Nhật Bản. <https://www.vietnamplus.vn/dang-cong-san-viet-nam-qua-goc-nhin-cua-hoc-gia-nhat-ban-post1008705.vnp>